

Số: /QĐ-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện các hoạt động dự án năm 2022 và bàn giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THANH HÓA

Căn cứ Hiệp định số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm

nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ các quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 về việc phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 2198/QĐ-BNNHTQT ngày 13/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phê duyệt dự án thành phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 987/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 về Phê duyệt Kế hoạch đầu tư tổng thể dự án thành phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa”; số 1729/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2022 của dự án thành

phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban QLDA FMCR tỉnh Thanh Hóa và đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện các hoạt động dự án năm 2022 và bàn giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.

(Có Kế hoạch và dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Giao Ban quản lý dự án FMCR Thanh Hóa phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch theo đúng nội dung, tiến độ; phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và các nội dung hiệp định tài trợ được ký kết.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giám đốc Ban QLDA FMCR Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KL.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

KẾ HOẠCH

Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện các hoạt động dự án năm 2022 và bàn giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN&PTNT ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. Hội nghị đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện các hoạt động dự án năm 2022 và đưa ra các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động dự án.

1. Nội dung Hội nghị:

- Tập trung đánh giá những kết quả đạt được, tiến độ các hoạt động trồng rừng của dự án từ đầu năm 2022 đến nay.
- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức triển khai các hoạt động của dự án, ảnh hưởng đến tiến độ của các hoạt động.
- Đề ra các giải pháp thực hiện các hoạt động đến hết năm 2022 và năm 2023.

2. Thành phần Hội nghị:

- Sở Nông nghiệp và PTNT
- Ban quản lý dự án FMCR Thanh Hóa.
- Tổ công tác các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Thị xã Nghi Sơn và Thành phố Sầm Sơn.
- Tổ công tác các xã tham gia dự án;
- Đại diện các nhóm tham gia trồng rừng ngập mặn, trồng rừng trên cạn

3. Thời gian Hội nghị: 02 ngày, thực hiện tháng 12/2022.

4. Địa điểm Hội Nghị: TP Thanh Hóa.

5. Kinh phí:

- Kinh phí: 114.175.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)
- Nguồn kinh phí: Vốn đối ứng (ngân sách tỉnh) giao cho dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa” năm 2022 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 20/5/2022.

(Có Phụ lục 01 dự toán chi tiết kèm theo)

Phụ lục 01: Dự toán chi tiết Hội nghị đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện các hoạt động dự án năm 2022, Dự án "Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa"

| STT | Nội dung | Người/hạng mục sử dụng | | Tần suất làm việc/sử dụng | | Đơn giá/Định mức | Tổng | Ghi chú |
|------------------|--|------------------------|--------|---------------------------|--------|------------------|--------------------|--|
| | | SL | Đơn vị | SL | Đơn vị | VND | VND | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=1*3*5 | 7 |
| 1 | Các dịch vụ tổ chức Hội thảo | | | | | | 104.950.000 | |
| - | Phòng họp tổ chức Hội thảo (Máy chiếu, màn hình chiếu, loa đài...) | 1 | Phòng | 2 | Ngày | 7.000.000 | 14.000.000 | TT theo thực tế (Theo báo giá, Hợp đồng, thanh lý và Hóa đơn), định mức theo TT 40/BTC |
| - | Phòng chữ hội thảo 4*3 | 12 | m2 | 1 | | 100.000 | 1.200.000 | |
| - | Giải khát giữa giờ | 70 | Người | 4 | Bữa | 20.000 | 5.600.000 | |
| - | Chi phí ăn cho đại biểu | 66 | Người | 2,5 | ngày | 150.000 | 24.750.000 | |
| - | Phòng ngủ (2 người/phòng). | 33 | Phòng | 2 | Đêm | 900.000 | 59.400.000 | |
| 2 | Văn phòng phẩm, tài liệu | | | | | | 2.800.000 | |
| | Văn phòng phẩm | 70 | Người | 1 | Bộ | 20.000 | 1.400.000 | Thanh toán theo hóa đơn thực tế |
| | In, Photocopy tài liệu, đóng quyển tài liệu | 70 | Người | 1 | Bộ | 20.000 | 1.400.000 | |
| 3 | Chi phí đi lại và công tác phí đại biểu | | | | | | 5.000.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền đi lại cho các đi lại cho đại biểu tham gia hội thảo đến từ các huyện < 30 km theo hình thức khoán 50.000đ/ người/2 lượt | 30 | người | 2 | lượt | 50.000 | 1.500.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền đi lại cho các đi lại cho đại biểu tham gia hội thảo đến từ các huyện >30km theo hình thức khoán 100.000đ/người/2 lượt | 35 | người | 2 | lượt | 100.000 | 3.500.000 | |
| 4 | Chi khác (Khẩu trang, thuốc sát khuẩn, vật tư khác...) | | | | | | 1.425.000 | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | 114.175.000 | |

